

Số: 2920 /BC-VP

Tây Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh Quý I/2024

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công trực tuyến theo thời gian thực trên môi trường điện tử. (Sau đây viết tắt là Quyết định số 766/QĐ-TTg).

Thực hiện Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Căn cứ Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Tây Ninh. Trong đó, tại Khoản 6, Điều 15 giao Văn phòng UBND tỉnh: “Đánh giá, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, dịch vụ công trực tuyến đảm bảo theo quy định của Trung ương và Quyết định số 766/QĐ-TTg”.

Văn phòng UBND tỉnh báo cáo kết quả xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với các Sở, Ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh trong Quý I/2024 với các nội dung cụ thể như sau:

#### 1. Về cách tính điểm đạt được của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và cách xếp loại cụ thể như sau:

- Theo Quyết định số 766/QĐ-TTg thì tổng điểm đánh giá, xếp loại là 100 điểm bao gồm 05 tiêu chí là:

- + Công khai, minh bạch: 18/100 điểm
- + Tiến độ, kết quả giải quyết: 20/100 điểm
- + Số hóa hồ sơ: 22/100 điểm
- + Cung cấp dịch vụ trực tuyến: 22/100 điểm
- + Mức độ hài lòng: 18/100 điểm

- Cách tính điểm cụ thể đối với từng chỉ tiêu trong nhóm chỉ số như sau:

+ Đối với các Sở, Ban ngành tỉnh:

Điểm chỉ tiêu thứ  $i$  = (Tỷ lệ đạt được của chỉ tiêu thứ  $i$  \* Mức điểm tối đa của chỉ tiêu thứ  $i$ )/100. (Ví dụ: Tại thời điểm đánh giá, xếp loại, Sở A đạt 75% của

tiêu chí “Số hóa hồ sơ” thì điểm số tuyệt đối tiêu chí “Số hóa hồ sơ” của Sở A =  $75 \cdot 22 / 100 = 16,5$  điểm.

+ Đối với UBND cấp huyện và UBND cấp xã: Lấy tổng số điểm mà UBND cấp huyện, UBND cấp xã đạt được trên tổng số 100 điểm tại thời điểm xếp loại để đánh giá, xếp loại (Điểm số tổng hợp 05 tiêu chí của UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã được tính sẵn và công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia).

- Kết quả phân loại như sau:

- + Từ 90 đến dưới 100 điểm xếp loại: Xuất sắc.
- + Từ 80 đến dưới 90 điểm xếp loại: Tốt.
- + Từ 70 đến dưới 80 điểm xếp loại: Khá.
- + Từ 50 đến dưới 70 điểm xếp loại: Trung bình.
- + Dưới 50 điểm xếp loại: Yếu.

## **2. Về nguồn dữ liệu và thời điểm đánh giá, xếp loại**

- Địa chỉ nguồn số liệu là Cổng Dịch vụ công Quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>), tại mục “Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của bộ, ngành, địa phương”.

- Số liệu dùng để đánh giá, xếp loại là số liệu được công bố, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại thời điểm đánh giá. Không sử dụng số liệu trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (Theo khoản 1, Điều 2, Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Tây Ninh).

- Thời điểm đánh giá, xếp loại vào lúc 9 giờ 30 phút ngày 08/4/2024.

## **3. Kết quả đánh giá, xếp loại:**

- Cấp tỉnh:

- + Không có cơ quan xếp loại : Xuất sắc.
- + Có 01/16 cơ quan xếp loại: Tốt.
- + Có 05/16 cơ quan xếp loại: Khá.
- + Có 09/16 cơ quan xếp loại: Trung bình.
- + Có 01/16 cơ quan xếp loại: Yếu.

- Cấp huyện:

- + Không có UBND cấp huyện xếp loại: Xuất sắc.
- + Có 08/9 UBND cấp huyện xếp loại: Tốt.
- + Có 01/9 UBND huyện xếp loại: Khá.
- + Không có UBND cấp huyện xếp loại: Trung bình.
- + Không có UBND cấp huyện xếp loại: Yếu.

- Cấp xã:
- + Có 01/94 UBND cấp xã xếp loại: Xuất sắc.
- + Có 82/94 UBND cấp xã xếp loại: Tốt.
- + Có 10/94 UBND cấp xã xếp loại: Khá.
- + Có 01/94 UBND cấp xã xếp loại: Trung bình.
- + Không có UBND cấp xã xếp loại: Yếu.

Kèm theo các Phụ lục đánh giá, xếp loại và mức điểm cụ thể đối với các Sở, Ban ngành tỉnh (Phụ lục 1), đối với UBND cấp huyện (Phụ lục 2) và đối với UBND cấp xã (Phụ lục 3).

Văn phòng UBND tỉnh trân trọng báo cáo kết quả xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông Quý I/2024 đối với cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh./.

**Nơi nhận:**

- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng: KSTT, HCC; TTCBTH;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh. (Tân).

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Trần Thị Ngọc Mai**



**Phụ lục 1**  
**Bảng xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính**  
**theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của các Sở, ban ngành tỉnh**  
**trong Quý I/2024**

(Kèm theo Báo cáo số: 29920/BC-VP ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan/ đơn vị	Công khai minh bạch (số điểm đạt/18 điểm)	Tiến độ giải quyết đúng hạn (số điểm đạt/20 điểm)	Số hóa hồ sơ (số điểm đạt/22 điểm)	Dịch vụ công trực tuyến (số điểm đạt/22 điểm)	Mức độ hài lòng (số điểm đạt/ 18 điểm)	Tổng điểm/ 100 điểm	Tổng hợp xếp loại
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7,40	15,77	13,44	17,35	17,70	71,46	Khá
2	Sở Tư pháp	18	13,64	13,33	15,00	16,54	76,51	Khá
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	18	19,59	12,84	16,96	18	85,39	Tốt
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	18	14,39	9,70	3,45	16,79	62,33	Trung bình
5	Sở Tài chính	18	7,20	9,24	5,08	14,22	53,74	Trung bình
6	Sở Khoa học và Công nghệ	18	17,21	8,75	12,98	17,71	76,65	Khá
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	18	19,93	8,69	12,43	18	77,05	Khá
8	Ban Quản lý Khu Kinh tế	18	16,21	7,87	7,78	17,38	67,24	Trung bình
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	18	19,99	7,70	11,15	18	74,84	Khá
10	Sở Nội vụ	18	16,77	7,67	3,96	17,58	63,98	Trung bình
11	Sở Giao thông vận tải	18	16,59	7,00	3,34	17,53	62,46	Trung bình
12	Sở Xây dựng	18	15,57	3,05	2,68	17,70	57,00	Trung bình
13	Sở Thông tin và Truyền thông	18	20	2,42	3,23	18	61,65	Trung bình
14	Sở Y tế	18	7,5	1,60	6,82	14,50	48,42	Yếu

15	Sở Công Thương	17,15	18,63	0,0	10,62	18	53,78	Trung bình
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	18	19,81	0,0	0	18	55,81	Trung bình

**Phụ lục 2**  
**Bảng xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính**  
**theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp huyện**  
**trong Quý I/2024**

(Kèm theo Báo cáo số: 2920.../BC-VP ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Tên UBND cấp huyện	Số điểm đạt được/100 điểm	Tổng hợp xếp loại
1	UBND thành phố Tây Ninh	85,40	Tốt
2	UBND thị xã Hòa Thành	85,50	Tốt
3	UBND huyện Châu Thành	85,30	Tốt
4	UBND huyện Gò Dầu	83,60	Tốt
5	UBND huyện Bến Cầu	80,20	Tốt
6	UBND huyện Tân Biên	79,00	Khá
7	UBND huyện Tân Châu	80,50	Tốt
8	UBND huyện Dương Minh Châu	83,60	Tốt
9	UBND thị xã Trảng Bàng	80,50	Tốt

**Phụ lục 3**  
**Bảng xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính**  
**theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp xã**  
**trong Quý I/2024**

(Kèm theo Báo cáo số: 2920../BC-VP ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Văn phòng UBND tỉnh)

1	UBND Thị trấn Bến Cầu	84,81	Tốt
2	UBND xã An Thạnh	69,04	Trung bình
3	UBND xã Lợi Thuận	84,33	Tốt
4	UBND xã Long Chũr	78,93	Khá
5	UBND xã Long Giang	82,36	Tốt
6	UBND xã Long Khánh	84,91	Tốt
7	UBND xã Long Phước	78,98	Khá
8	UBND xã Long Thuận	82,66	Tốt
9	UBND xã Tiên Thuận	80,21	Tốt
10	UBND xã Thái Bình	83,10	Tốt
11	UBND xã Thanh Điền	80,64	Tốt
12	UBND xã Long Vĩnh	87,16	Tốt
13	UBND xã An Cơ	87,29	Tốt
14	UBND xã Hào Đức	84,64	Tốt
15	UBND xã Ninh Điền	83,76	Tốt
16	UBND thị trấn Châu Thành	87,13	Tốt
17	UBND xã Thành Long	87,03	Tốt
18	UBND xã Đồng Khởi	87,84	Tốt
19	UBND xã Biên Giới	85,54	Tốt
20	UBND xã Hòa Thạnh	87,54	Tốt
21	UBND xã Hòa Hội	87,66	Tốt
22	UBND xã Trí Bình	87,03	Tốt
23	UBND xã An Bình	86,90	Tốt
24	UBND xã Phước Vinh	87,58	Tốt
25	UBND xã Tân Lập	85,63	Tốt
26	UBND xã Tân Bình	85,63	Tốt

27	UBND xã Thạnh Bắc	84,22	Tốt
28	UBND xã Thạnh Tây	78,24	Khá
29	UBND xã Thạnh Bình	83,53	Tốt
30	UBND Thị trấn Tân Biên	86,42	Tốt
31	UBND xã Tân Phong	81,23	Tốt
32	UBND xã Mỏ Công	79,47	Khá
33	UBND xã Hòa Hiệp	85,42	Tốt
34	UBND xã Trà Vong	85,80	Tốt
35	UBND Thị trấn Gò Dầu	84,43	Tốt
36	UBND xã Thanh Phước	85,90	Tốt
37	UBND xã Bàu Đôn	86,87	Tốt
38	UBND xã Cẩm Giang	86,06	Tốt
39	UBND xã Phước Đông	86,40	Tốt
40	UBND xã Phước Thạnh	84,31	Tốt
41	UBND xã Phước Trạch	86,51	Tốt
42	UBND xã Thạnh Đức	86,87	Tốt
43	UBND xã Hiệp Thạnh	75,71	Khá
44	UBND Phường I	84,08	Tốt
45	UBND Phường II	86,09	Tốt
46	UBND Phường III	82,13	Tốt
47	UBND Phường IV	85,94	Tốt
48	UBND Phường Hiệp Ninh	85,47	Tốt
49	UBND Phường Ninh Thạnh	85,83	Tốt
50	UBND Phường Ninh Sơn	84,58	Tốt
51	UBND Xã Bình Minh	85,51	Tốt
52	UBND Xã Tân Bình	84,12	Tốt
53	UBND Xã Thạnh Tân	85,16	Tốt
54	UBND xã Bàu Năng	85,74	Tốt
55	UBND xã Chà Là	82,24	Tốt
56	UBND xã Cầu Khởi	86,33	Tốt
57	UBND xã Truong Mít	85,43	Tốt
58	UBND xã Lộc Ninh	84,81	Tốt



59	UBND xã Bến Củi	78,17	Khá
60	UBND xã Phước Minh	85,58	Tốt
61	UBND xã Phước Ninh	85,01	Tốt
62	UBND xã Suối Đá	82,19	Tốt
63	UBND Thị trấn Dương Minh Châu	85,51	Tốt
64	UBND xã Phan	85,70	Tốt
65	UBND xã Tân Hưng	83,83	Tốt
66	UBND xã Tân Phú	80,91	Tốt
67	UBND xã Thạnh Đông	75,18	Khá
68	UBND xã Tân Hiệp	82,17	Tốt
69	UBND xã Tân Hội	81,14	Tốt
70	UBND xã Tân Đông	84,75	Tốt
71	UBND xã Tân Hà	80,51	Tốt
72	UBND xã Suối Ngô	86,59	Tốt
73	UBND xã Tân Hòa	79,07	Khá
74	UBND xã Tân Thành	83,33	Tốt
75	UBND xã Suối Dây	83,54	Tốt
76	UBND thị trấn Tân Châu	83,25	Tốt
77	UBND phường Long Hoa	86,83	Tốt
78	UBND phường Long Thành Bắc	94,94	Xuất sắc
79	UBND phường Long Thành Trung	86,78	Tốt
80	UBND phường Hiệp Tân	85,33	Tốt
81	UBND xã Long Thành Nam	88,41	Tốt
82	UBND xã Trường Đông	87,49	Tốt
83	UBND xã Trường Tây	86,62	Tốt
84	UBND xã Trường Hòa	87,69	Tốt
85	Phường Hưng Thuận	84,19	Tốt
86	Phường Lộc Hưng	77,25	Khá
87	Phường An Tịnh	84,68	Tốt
88	UBND xã Phước Bình	83,66	Tốt
89	Phường Phước Chi	85,50	Tốt
90	Phường An Hòa	80,01	Tốt

91	Phường Gia Bình	81,90	Tốt
92	Xã Gia Lộc	79,02	Khá
93	Phường Tráng Bàng	86,10	Tốt
94	Phường Đôn Thuận	84,87	Tốt